

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam: Từ chủ trương của Đảng đến thực tế triển khai và các vấn đề đặt ra

MAI THỊ MỸ HẰNG*

Tóm tắt

Ngày 17/11/2022, Ban Chấp hành Trung ương đã ban hành Nghị quyết số 29-NQ/TW về “Tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH, HĐH) đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”. Đây là Nghị quyết chuyên đề đầu tiên của Đảng về CNH, HĐH. Bài viết nhìn lại sự thống nhất trong chủ trương của Đảng qua các kỳ đại hội; nêu kết quả đạt được, tồn tại và hạn chế trong thực hiện CNH, HĐH đất nước, đồng thời đưa ra một số giải pháp trên cơ sở bám sát các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm tại Nghị quyết số 29-NQ/TW.

Từ khóa: công nghiệp hóa - hiện đại hóa, Nghị quyết số 29-NQ/TW, phát triển công nghiệp

Summary

On November 17, 2022, the Central Committee issued Resolution No. 29-NQ/TW on “Continuing to accelerate the industrialization and modernization of the country until 2030, with a vision to year 2045”. This is the first thematic resolution of the Party on industrialization and modernization. The article looks back at the unity of the Party’s policy through the congresses; raising the achievements, shortcomings and limitations in the implementation of industrialization and modernization of the country, and at the same time propose some solutions on the basis of sticking to the key tasks and solutions in Resolution No. 29-NQ/TW.

Keywords: industrialization - modernization, Resolution No. 29-NQ/TW, industrial development

CHỦ TRƯỞNG CNH, HĐH CỦA VIỆT NAM QUA CÁC KỶ ĐẠI HỘI

Chủ trương CNH xã hội chủ nghĩa, bắt đầu được hình thành từ Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III (năm 1960), với nhiệm vụ trung tâm của thời kỳ quá độ ở miền Bắc nước ta, là CNH xã hội chủ nghĩa. Chủ trương chính của thời kỳ này là: “Xây dựng một nền kinh tế xã hội chủ nghĩa căn bản và hiện đại, kết hợp công nghiệp với nông nghiệp và lấy công nghiệp nặng làm nền tảng, ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý, đồng thời ra sức phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ, nhằm biến nước ta từ một nước nông nghiệp lạc hậu thành một nước có công nghiệp hiện đại và nông nghiệp hiện đại”.

Tuy nhiên, do tiến hành CNH từ một nền kinh tế lạc hậu, nghèo nàn, những tiền đề cần thiết cho phát triển hạn chế, lại trong điều kiện có chiến tranh và cùng nhiều nguyên nhân chủ quan khác,

nền nền kinh tế Việt Nam đã không đạt được những mục tiêu đã đặt ra.

Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI (năm 1986) đã thông qua đường lối đổi mới toàn diện và xác định: “Mục tiêu tổng quát của những năm còn lại của chặng đường đầu tiên là ổn định mọi mặt tình hình kinh tế - xã hội, tiếp tục xây dựng những tiền đề cần thiết cho việc đẩy mạnh CNH xã hội chủ nghĩa trong chặng đường tiếp theo”.

Điểm nổi bật chính của Đại hội VI, chính là sự thay đổi trong lựa chọn mô hình chiến lược CNH, chuyển từ mô hình hướng nội (thay thế nhập khẩu) trước đây bằng mô hình hỗn hợp (hướng về xuất khẩu đồng thời thay thế nhập khẩu) đang được áp dụng phổ biến và khá thành công tại một số quốc gia châu Á thời điểm đó.

Riêng với ngành công nghiệp, Đại hội đã đưa ra định hướng phát triển công nghiệp nhẹ, tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp, đáp ứng nhu cầu về hàng tiêu dùng thông thường, về chế biến nông, lâm, thủy sản, tăng nhanh hàng gia công xuất khẩu và các mặt hàng xuất khẩu khác.

Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII (năm 1991) tiếp tục có những nhận thức mới, toàn diện và sâu sắc hơn về CNH gắn với HĐH. Lần đầu tiên, phạm trù “CNH,

* Trưởng Cao đẳng Kinh tế Kế hoạch Đà Nẵng

Ngày nhận bài: 12/3/2023; Ngày phản biện: 06/4/2023; Ngày duyệt đăng: 12/4/2023

HDH” được xác định chính thức trong Văn kiện của Đảng. Trong điều kiện phát triển mới, CNH ở nước ta phải gắn liền với HDH, bởi lẽ: trong bối cảnh khoa học công nghệ (KHCN) phát triển như vũ bão, nếu nước ta không tiến hành CNH gắn với HDH sẽ tụt hậu ngày càng xa hơn so với trình độ phát triển chung của thế giới.

Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII (năm 1996) đã xác định mục tiêu, nhiệm vụ của CNH, HDH ở nước ta đến năm 2020: “Mục tiêu của CNH, HDH là xây dựng nước ta thành một nước công nghiệp có cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện đại, cơ cấu kinh tế hợp lý, quan hệ sản xuất tiến bộ, phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, đời sống vật chất và tinh thần cao, quốc phòng, an ninh vững chắc, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh”.

Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX (năm 2001) với chủ đề “Phát huy sức mạnh toàn dân tộc, tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh CNH, HDH, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa” thể hiện nhiệm vụ trung tâm của giai đoạn phát triển mới là “đẩy mạnh CNH, HDH”.

Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X (năm 2006) đã tiếp tục bổ sung và nhấn mạnh một số điểm mới trong tư duy về CNH, đó là: Con đường CNH ở nước ta cần và có thể rút ngắn thời gian so với các nước đi trước.

Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI (năm 2010) đã tổng kết thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2001-2010 và đưa ra nhận định, đó là: Nước ta đã thu được nhiều thành tựu to lớn, quan trọng, đưa đất nước thoát ra khỏi tình trạng kém phát triển; vị thế của đất nước đã được nâng lên một tầm cao mới trên trường quốc tế, do đó đang tạo ra những tiền đề mới, quan trọng cho việc đẩy nhanh tiến trình CNH, HDH của nước ta.

Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII (năm 2016) đã thông qua mục tiêu tổng quát của giai đoạn 2016-2020, đó là: “Đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới; phát triển kinh tế nhanh, bền vững, phấn đấu sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại... chủ động và tích cực hội nhập quốc tế để phát triển đất nước; nâng cao vị thế và uy tín của Việt Nam trong khu vực và trên thế giới”.

Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII (năm 2021) đã kế thừa những nội dung CNH, HDH của các kỳ đại hội trước, nhưng nhấn mạnh những nội dung cốt lõi cần thực hiện cho giai đoạn tới phù hợp với điều kiện, bối cảnh trong nước và quốc tế, nhất là tận dụng tiến bộ KHCN nói chung, thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp (CMCN) 4.0 nói riêng để có sự bứt phá, vượt lên trong một số ngành và lĩnh vực. Đồng thời, xây dựng nền công nghiệp quốc gia vững mạnh chú trọng cả những ngành công nghiệp nền tảng và những ngành mới, công nghệ cao quyết định sự bứt phá về năng suất, chất lượng và hiệu quả của nền kinh tế.

Ngày 17/11/2022, Ban Chấp hành Trung ương đã ban hành Nghị quyết số 29-NQ/TW về “Tiếp tục đẩy mạnh CNH, HDH đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”. Việc ban hành Nghị quyết số 29-NQ/

TW là hết sức cần thiết và có ý nghĩa quan trọng bởi CNH, HDH là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt của cả hệ thống chính trị, là phương thức, động lực để thực hiện mục tiêu phát triển nhanh và bền vững đất nước. Đây là nghị quyết riêng về vấn đề CNH, HDH đất nước

NHỮNG KẾT QUẢ VÀ HẠN CHẾ TRONG QUÁ TRÌNH CNH, HDH CỦA VIỆT NAM

Kết quả đạt được

Tổng kết những kết quả đạt được trong hoạt động CNH, HDH 35 năm (1986-2021), Nghị quyết 29-NQ/TW đã khái quát thành 9 kết quả đạt được như sau:

Một là, CNH, HDH đã thúc đẩy tăng trưởng kinh tế ở mức cao, đạt bình quân 6,17%/năm trong 10 năm qua, chất lượng tăng trưởng được cải thiện, quy mô nền kinh tế tăng nhanh, đưa nước ta trở thành nước đang phát triển có thu nhập trung bình. Minh chứng rõ nhất cho kết quả này là quy mô của nền kinh tế Việt Nam năm 2020 đã tăng 3,1 lần so với năm 2010, đứng thứ 4 khu vực Đông Nam Á.

Hai là, cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động chuyển dịch tích cực với tỷ trọng đóng góp vào GDP của công nghiệp và dịch vụ đạt 72,7% vào năm 2020; tỷ lệ lao động khu vực nông, lâm nghiệp, thủy sản trong tổng lao động toàn xã hội giảm từ 48,4% năm 2011 xuống còn 33,1% năm 2020, đạt mục tiêu đề ra trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020.

Ba là, công nghiệp được cơ cấu lại theo hướng giảm tỷ trọng của ngành khai khoáng, tăng nhanh tỷ trọng ngành công nghiệp chế biến, chế tạo, phù hợp với mục tiêu phát triển bền vững. Đã hình thành được một số ngành công nghiệp có quy mô lớn, có khả năng cạnh tranh và vị trí vững chắc trên thị trường quốc tế, như: dệt may (đứng thứ 7 thế giới về xuất khẩu); giấy dép các loại (thứ 3 thế giới về sản xuất và thứ 2 về xuất khẩu); điện tử (đứng thứ 12 thế giới về xuất khẩu, trong đó mặt hàng điện thoại di động đứng thứ 2 thế giới); sản phẩm đồ gỗ (đứng thứ 5 thế giới về xuất khẩu)...

Bốn là, CNH, HDH nông nghiệp, nông thôn thúc đẩy tăng trưởng ngành nông nghiệp ổn định và bền vững, từng bước được cơ cấu lại theo hướng hiện đại. Cơ cấu nội ngành nông nghiệp chuyển

dịch theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao, gắn với công nghiệp chế biến và nhu cầu thị trường.

Năm là, ngành dịch vụ phát triển mạnh, theo hướng hiện đại, đóng góp của ngành dịch vụ vào tăng trưởng kinh tế ngày càng tăng; hình thành được một số ngành dịch vụ có hàm lượng KHCN cao như dịch vụ tài chính, ngân hàng, công nghệ thông tin, bưu chính, viễn thông, du lịch, hàng không... Các phương thức, mô hình kinh doanh trên thị trường xuất hiện, được đổi mới theo hướng văn minh hiện đại, phù hợp với quá trình CNH, HĐH đất nước.

Sáu là, đô thị hóa tăng nhanh, không gian đô thị được mở rộng, trở thành động lực quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Hệ thống đô thị phát triển nhanh về số lượng, mở rộng về quy mô, nâng dần chất lượng theo hướng đồng bộ, xanh, thân thiện môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu.

Bảy là, hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng kinh tế - xã hội được quan tâm đầu tư theo hướng ngày càng đồng bộ, hiệu quả hơn, chất lượng được nâng cao, tạo không gian phát triển, thúc đẩy liên kết ngành và liên kết vùng, đáp ứng yêu cầu CNH, HĐH đất nước.

Tám là, phát triển văn hóa, xã hội, con người trong quá trình CNH, HĐH được quan tâm; đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân không ngừng được cải thiện. Cụ thể: Việt Nam nằm trong nhóm các nước có tốc độ tăng trưởng Chỉ số phát triển con người HDI cao nhất trên thế giới. Giai đoạn 2011-2020, chỉ số HDI của Việt Nam đã tăng từ 0,663 vào năm 2011 lên 0,706 vào năm 2020, bắt đầu thuộc nhóm các quốc gia có HDI ở mức cao (là nhóm quốc gia có chỉ số HDI từ 0,7 đến dưới 0,8) [1].

Chín là, quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu được chú trọng, bước đầu đạt kết quả tích cực. Việt Nam đã và đang trở thành thành viên có trách nhiệm, nỗ lực tham gia góp phần tích cực với cộng đồng quốc tế trong đàm phán ứng phó với biến đổi khí hậu.

Một số hạn chế

Nghị quyết số 29-NQ/TW cũng đã thẳng thắn chỉ ra những hạn chế trong quá trình thực hiện CNH, HĐH ở nước ta thời gian qua. Đó là:

Thứ nhất, mục tiêu trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào

năm 2020 không hoàn thành với nhiều chỉ số không đạt được, như: GDP bình quân đầu người, tỷ trọng công nghiệp chế tạo và tỷ trọng nông nghiệp trong GDP, tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội, tỷ lệ đô thị hóa, điện sản xuất bình quân đầu người, chỉ số bất bình đẳng thu nhập, tỷ lệ lao động qua đào tạo, tỷ lệ dân số sử dụng nước sạch...; Tăng trưởng kinh tế không đạt mục tiêu chiến lược đề ra, tốc độ có xu hướng giảm dần theo chu kỳ 10 năm; có nguy cơ tụt hậu và rơi vào bẫy thu nhập trung bình.

Thứ hai, nội lực của nền kinh tế còn yếu, năng suất lao động thấp và chậm được cải thiện, năng lực độc lập, tự chủ thấp, phụ thuộc nhiều vào khu vực có vốn đầu tư nước ngoài; khu vực kinh tế tư nhân trong nước chưa đáp ứng được vai trò là một động lực quan trọng thúc đẩy CNH, HĐH; doanh nghiệp nhà nước còn nhiều hạn chế; đổi mới và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể còn nhiều khó khăn.

Thứ ba, công nghiệp phát triển thiếu bền vững, giá trị gia tăng thấp, chưa tham gia sâu vào chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu; các ngành công nghiệp nền tảng, công nghiệp ưu tiên, công nghiệp mũi nhọn, công nghiệp hỗ trợ phát triển còn nhiều hạn chế, công nghiệp thông minh phát triển còn chậm.

Thứ tư, kết quả CNH, HĐH nông nghiệp nông thôn còn hạn chế; tổ chức sản xuất, kinh doanh chủ yếu vẫn dựa vào nông hộ nhỏ, thiếu liên kết chưa đáp ứng yêu cầu nông nghiệp hiện đại; nghiên cứu, ứng dụng KHCN, đổi mới sáng tạo, đào tạo nguồn nhân lực còn hạn chế, chưa trở thành động lực chính để tạo đột phá phát triển.

Thứ năm, đô thị hóa chưa gắn kết chặt chẽ và đồng bộ với CNH, HĐH. Tỷ lệ đô thị hóa đạt được thấp hơn mục tiêu đề ra trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020 và còn khoảng cách khá xa so với tỷ lệ bình quân của khu vực và thế giới.

Thứ sáu, phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại chưa đạt yêu cầu CNH, HĐH; hiệu quả kết nối và chất lượng chưa cao; Còn chênh lệch khoảng cách về kết quả CNH, HĐH giữa các vùng miền; thành quả của CNH chưa được phân bổ đồng đều giữa các nhóm dân cư và các khu vực.

Thứ bảy, các vấn đề về phát triển văn hóa, xã hội, con người, môi trường còn nhiều hạn chế, bất cập. Trong đó, kết quả giảm nghèo chưa thực sự đồng đều, tỷ lệ tái nghèo còn cao. Hệ thống an sinh xã hội còn nhiều hạn chế về mức độ bao phủ. Văn hóa chưa được quan tâm tương xứng với kinh tế và chính trị, chưa thật sự trở thành nguồn lực, động lực nội sinh của sự phát triển bền vững đất nước và gắn kết với quá trình CNH, HĐH.

CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN ĐẨY MẠNH CNH, HĐH

Nhằm tiếp tục đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Nghị quyết số 29-NQ/TW đã đề ra một số chỉ tiêu cụ thể. Theo đó, tốc độ tăng trưởng GDP bình quân khoảng 7%/năm; Đóng góp

của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế ở mức trên 50%; Phấn đấu đến năm 2030, Việt Nam thuộc nhóm 3 nước dẫn đầu ASEAN về năng lực cạnh tranh công nghiệp; Tỷ trọng công nghiệp đạt trên 40% GDP; Tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo đạt khoảng 30% GDP; Tỷ trọng của khu vực dịch vụ đạt trên 50% GDP, trong đó du lịch đạt 14%-15% GDP...

Để đạt được mục tiêu đề ra và triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp tại Nghị quyết số 29-NQ/TW, cần tập trung một số giải pháp trọng tâm sau:

(1) Đổi mới tư duy, nhận thức và hành động quyết liệt, tiếp tục đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước. Theo đó, cần thống nhất quan điểm về mối quan hệ giữa CNH, HĐH với phát triển nhanh, bền vững, bao trùm và tăng trưởng xanh... Nội hàm của các khái niệm phát triển bền vững, bao trùm và xanh đã được xác định rất rõ trong Văn kiện Đại hội Đảng XIII; tuy nhiên, cần xác định mục tiêu cụ thể, phù hợp cho từng giai đoạn phát triển, tránh việc đưa ra mục tiêu quá cao không thực hiện được.

(2) Xây dựng và hoàn thiện thể chế, chính sách thúc đẩy CNH, HĐH đất nước. Đẩy nhanh thể chế hóa các nghị quyết, kết luận của Đảng có liên quan đến CNH, HĐH. Hoàn thiện cơ chế, chính sách cho phát triển KHCN, đổi mới sáng tạo phù hợp với thực tế Việt Nam và thông lệ.

Hoàn thiện thể chế phù hợp trong hệ sinh thái đổi mới sáng tạo. Tiếp tục tập trung, kiên trì cải thiện môi trường thể chế, cụ thể là cải thiện các chỉ số thuộc trụ cột Thể chế. Đây là trụ cột có thứ hạng thấp nhất trong 7 trụ cột của chỉ số Đổi mới sáng tạo toàn cầu (GII) nhiều năm qua. Trong đó, cần tiếp tục chú ý cải thiện chất lượng các quy định pháp luật. Năng lực hoạch định chính sách, thực thi chính sách, đánh giá kịp thời điều chỉnh chính sách cần được nâng cao hơn nữa, đặc biệt trong bối cảnh khó lường đoán của cuộc CMCN 4.0 và những biến động khách quan, như đại dịch Covid-19. Về môi trường kinh doanh, cần phát huy các giải pháp và kết quả đã đạt được trong những năm qua và tiếp tục có các giải pháp mới, hiệu quả hơn, thực chất hơn nữa.

(3) Xây dựng hệ sinh thái đổi mới sáng tạo. Trong đó, các chủ thể đều có những vai trò và sứ mạng quan trọng. Sự tương tác giữa các chủ thể trong hệ sinh thái cần có thể chế phù hợp và nguồn vốn con người có đủ

năng lực (tri thức, kỹ năng và thái độ) cũng như động lực để tiếp thu, lan tỏa và sáng tạo ra các tri thức công nghệ mới, tận dụng tốt những cơ hội do CMCN 4.0 đem lại để làm giàu cho gia đình, cộng đồng và xã hội.

Bên cạnh đó, cần khuyến khích khởi nghiệp và tinh thần doanh nhân, hình thành và phát triển các doanh nghiệp công nghệ, công viên công nghệ, các viện nghiên cứu và phát triển, các trung tâm xuất sắc; xây dựng và phát triển mạng lưới đổi mới sáng tạo, tăng cường liên kết hợp tác giữa các trường đại học, viện nghiên cứu và các doanh nghiệp dưới nhiều hình thức; hình thành và phát triển thị trường KHCN để có thể biến các sản phẩm, ý tưởng đổi mới, các tri thức, công nghệ thành tài sản, thu hút đầu tư nước ngoài có chọn lọc, giảm dần sự lệ thuộc vào công nghệ nước ngoài...

(4) Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu CNH, HĐH.

Việc phát triển này cần được chú trọng xây dựng từ sớm qua hệ thống giáo dục và đào tạo. Đặc biệt là cải thiện giáo dục ở cấp trung học và giáo dục đại học. Cần có nhiều hơn trường đại học có định hướng nghiên cứu, chất lượng cao đạt chuẩn và vào các bảng xếp hạng quốc tế.

Tiếp tục nâng cao năng lực học hỏi công nghệ, hấp thụ tri thức, cả tri thức khoa học và tri thức kinh nghiệm của cộng đồng doanh nghiệp, của người dân, của các cơ quan và công chức, viên chức nhà nước. Cần khuyến khích các trường đại học phát triển những ngành mới đáp ứng nhu cầu thay đổi nhanh của công nghệ. Ngoài ra, cần có thêm chính sách thúc đẩy học hỏi giữa các doanh nghiệp, giữa các ngành nghề khác nhau, xây dựng môi trường tương tác đa dạng giữa các thực thể của hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII (2022), *Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 17/11/2022 về tiếp tục đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.*
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2022), *Tập hợp các văn kiện Đại hội Đảng lần thứ VI, VII, VIII, IX, X và XI, XII, XIII.*
3. Trần Thị Mây, Nguyễn Thị Thơm, Vũ Thị Phượng (2022), *Thực trạng và giải pháp tái cơ cấu ngành Công nghiệp đến năm 2030, Tạp chí Tài chính, kỳ 1 - tháng 5/2022.*
4. Trần Thị Vân Hoa (2022), *Một số suy nghĩ về mô hình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trên nền tảng KHCN và đổi mới sáng tạo*, truy cập từ <https://hdl.vn/vi/nghien-cuu---trao-doi/mot-so-suy-nghi-ve-mo-hinh-cong-nghiep-hoa-hien-dai-hoa-dat-nuoc-tren-nen-tang-khoa-hoc-cong-nghie-va-doi-moi-sang-tao.html>.